

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HNGĐ-ST

Ngày 18/6/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ng Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và bà Nguyễn Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ng Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý: 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021, về: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H - Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn D, xã K, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Lê Tư N - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn D, xã K, huyện Tr, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị H và anh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Tư N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới và được UBND xã Khuyến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/4/2010. Sau khi cưới vợ chồng sống bình thường đến tháng 9/2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là anh N không chịu làm ăn, chơi bời bài bạc nên chị đã làm đơn lên UBND xã và anh N đã làm đơn cam kết, vợ chồng lại quay về sống bình thường nhưng vẫn hay xảy ra mâu thuẫn rồi anh lại xin lỗi. Đến đầu năm 2020 anh N lại chơi bời vợ chồng cãi

nhau nên chị đã làm đơn xin ly hôn, Tòa án đã giải quyết, anh N xin lỗi nên chị lại rút đơn, vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng được thời gian lại phát sinh mâu thuẫn và từ ngày 13/4/2021 chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở cho đến nay. Từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh Lê Tư N.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Tư Hoàng M, sinh ngày 11/9/2010 và Lê Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 25/10/2016. Hiện nay cả hai con đang sống với anh N. Nếu vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị là xin được nuôi cả hai con và đề nghị anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng. Nếu không được nuôi cả hai con chị đề nghị xin được nuôi cháu Bảo Ng, còn giao cháu Hoàng M cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu mỗi người nuôi 1 cháu chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng. Hiện nay chị làm nghề móng mi cắt tóc tại nhà thu nhập 5.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Tư N trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh thống nhất với chị H về thời gian và điều kiện kết hôn không có thắc mắc gì. Sau khi cưới vợ chồng sống bình thường được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm nên thỉnh thoảng vợ chồng cãi nhau chị H bỏ đi 4 tháng, chị H có gửi đơn lên Tòa án giải quyết, anh xin lỗi nên chị H rút đơn, vợ chồng quay về sinh sống bình thường đến tháng 3/2021 lại phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt có cãi nhau nên chị H bỏ đi từ ngày 11/4/2021 cho đến nay không quan tâm đến gia đình và con cái. Nay chị H có đơn xin ly hôn nguyện vọng anh là xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn, mâu thuẫn nhỏ nhất có thể sửa chữa được và vì con nên anh xin được đoàn tụ để nuôi dạy con. Tại phiên tòa anh xét thấy tình cảm không còn nên anh cũng đồng ý và xin được ly hôn chị H.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Tư Hoàng M, sinh ngày 11/9/2010 và Lê Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 25/10/2016. Hiện nay cả hai con đang sống với anh. Nếu vợ chồng ly hôn anh yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp chỉ được nuôi một con thì anh yêu cầu được nuôi cháu Bảo Ng vì không muốn cháu Bảo Ng phải theo mẹ sớm phải va chạm cuộc sống bên ngoài. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh N đang làm công nhân tại công ty M Hoàn ở thành phố Thanh Hóa, thu nhập bình quân từ 10-12.000.000đ/tháng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đối với các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của chị H là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn anh N; Về con chung, đề nghị giao cháu Lê Đỗ Bảo Ng cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Lê Tư Hoàng M cho anh N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Chị H xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Cả chị H và anh N đều có địa chỉ cư trú tại xã Khuyến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa nên Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị H và anh Lê Tư N kết hôn với nhau năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị H mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ tháng 9/2015 hay chửi bới cãi nhau có lúc xảy ra xô xát, đầu năm 2020 chị gửi đơn ly hôn sau đó chị rút đơn, từ tháng 4/2021 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau nên chị xin được ly hôn. Theo anh N, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do chị H nghi ngờ anh chơi bài bạc nên cãi nhau và đã làm đơn ra Tòa án giải quyết sau đó chị H rút đơn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4/2021 cho đến nay, nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng cũng không còn nên anh xin được ly hôn chị H.

Tại phiên tòa chị H, anh N đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Xét thấy, việc chị H và anh N xin thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện không trái với quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật HN&GD công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Lê Tư N là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh N có 02 con chung là Lê Tư Hoàng M, sinh ngày 11/9/2010 và Lê Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 25/10/2016. Hiện nay cả hai con đang sống với anh N. Chị H yêu cầu được nuôi cả hai con và yêu cầu anh N cấp

đưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/01 cháu. Trường hợp chỉ được nuôi một con thì chị yêu cầu được nuôi cháu Bảo Ng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm móng, mi thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng. Anh N cũng yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Trường hợp chỉ được nuôi một con thì anh yêu cầu được nuôi cháu Bảo Ng vì không muốn cháu Bảo Ng phải theo mẹ sớm phải va chạm cuộc sống bên ngoài. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh N đang làm công nhân thu nhập từ 10-12.000.000đ/tháng.

Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của anh, chị là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng cả 02 cháu hiện đang còn nhỏ, nên việc giao cả 02 cháu cho một người nuôi dưỡng sẽ rất khó khăn và không đảm bảo cho sự phát triển cũng như sinh hoạt của các cháu. Theo địa phương, thể hiện: Anh N làm công nhân, chị H làm móng mi, cả hai đều có thu nhập đủ điều kiện để chăm sóc con cái.

Như vậy, cả anh và chị đều khoẻ mạnh, có việc làm, có thu nhập, nên cần giao mỗi người nuôi 01 cháu là phù hợp. Hiện nay cháu M lớn hơn và là con trai, nguyện vọng của cháu cũng muốn ở với bố, nên cần giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ng nhỏ hơn và là con gái nên cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sẽ tốt và đảm bảo hơn về tâm sinh lý của các cháu. Do vậy cần áp dụng Điều 81 và 82 Luật HNGĐ giao cháu Ng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu M cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với lợi ích của các cháu và đảm bảo cho việc chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do mỗi người nuôi một cháu, anh chị đều có việc làm và có thu nhập đủ sinh hoạt nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không buộc các bên phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh N đều không yêu cầu giải quyết về tài sản và công nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản.

[3] Về án phí: Chị Đỗ Thị H là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị H phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000^d.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị H.

1. Về hôn nhân:

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị H và anh Lê Tư N.

2. Về nuôi con chung: Công nhận vợ chồng có 02 con chung là:

Lê Tư Hoàng M - Sinh ngày 11 tháng 9 năm 2010;

Lê Đỗ Bảo Ng - Sinh ngày 25 tháng 10 năm 2016.

2.1. Giao con chung Lê Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 25 tháng 10 năm 2016 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Giao con chung Lê Tư Hoàng M, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2010 cho anh Lê Tư N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Chị H, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

2.3. Chị H, anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000^d tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000^d theo biên lai thu tiền số 0001346 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị H đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Khuyến Nông (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Ngọc Tuấn

